TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ TÁC ĐỘNG CỦA VIDEO NGẮN TỚI HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

Trương Thị Lệ Xuân
Công ty TNHH Giáo dục Kira Kira
Email: samixuan@kirakira.edu.vn

Tóm tắt: *Trên cơ sở tổng quan các công trình trong và ngoài nước về video ngắn và hoạt động học tập, bài viết nhằm hệ thống hóa các hướng nghiên cứu chủ yếu, khái quát kết quả đã đạt được và xác định khoảng trống nghiên cứu đối với học sinh trung học cơ sở. Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp lý thuyết kết hợp với phân tích 26 tài liệu và công trình liên quan. Kết quả tổng quan xác định ba hướng nghiên cứu chính: (1) video ngắn như một dạng học liệu số và công cụ hỗ trợ dạy – học; (2) tác động của video ngắn tới hoạt động học tập trên các phương diện nhận thức, cảm xúc và hành vi; và (3) ảnh hưởng của việc sử dụng video ngắn quá mức tới học tập. Kết quả cũng cho thấy tác động của video ngắn có liên quan đến đặc điểm người học, mục đích và nội dung sử dụng, bối cảnh gia đình – nhà trường và đặc điểm nền tảng số. Bên cạnh đó, nghiên cứu về video ngắn ở học sinh trung học cơ sở còn hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam và ở các nghiên cứu làm rõ cơ chế ảnh hưởng. Những kết quả này góp phần định hướng cho các nghiên cứu tiếp theo và việc sử dụng video ngắn phù hợp trong giáo dục.*

Từ khóa*: video ngắn, hoạt động học tập, học sinh trung học cơ sở, truyền thông số, tổng quan nghiên cứu.*

A REVIEW OF RESEARCH ON THE IMPACT OF SHORT-FORM VIDEOS ON THE LEARNING ACTIVITIES OF LOWER SECONDARY SCHOOL STUDENTS

Abstract: *Based on a review of domestic and international studies on short-form videos and learning activities, this article aims to systematize the main research directions, summarize the findings achieved to date, and identify research gaps concerning lower secondary school students. The study employs a theoretical synthesis approach combined with an analysis of 26 relevant publications and studies. The review identifies three main research directions: (1) short-form videos as digital learning materials and instructional support tools; (2) the impact of short-form videos on learning activities in terms of cognition, emotion, and behavior; and (3) the effects of excessive short-form video use on learning. The findings also indicate that the effects of short-form videos are associated with learner characteristics, purposes and content of use, family and school contexts, and platform characteristics. In addition, research on short-form videos among lower secondary school students remains limited, particularly in the Vietnamese context and in studies examining the mechanisms of influence. These findings contribute to guiding future research and informing the appropriate use of short-form videos in education.*

Keywords: *short-form videos, learning activities, lower secondary school students, digital media, literature review.*

Nhận bài: 09/08/2026 *Phản biện: 09/09/2026* *Duyệt đăng: 12/09/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển nhanh của các nền tảng truyền thông số đã làm thay đổi đáng kể cách thanh thiếu niên tiếp cận, lựa chọn và sử dụng thông tin. Trong đó, video ngắn trở thành một định dạng nội dung nổi bật nhờ thời lượng ngắn, tính trực quan cao, nhịp độ nhanh và cơ chế phân phối nội dung liên tục theo hành vi người dùng. Các nghiên cứu về TikTok và các ứng dụng video ngắn cho thấy thuật toán đề xuất có khả năng cá nhân hóa nội dung, tăng mức độ tương tác và kéo dài thời gian sử dụng; đồng thời có thể làm gia tăng xu hướng xem liên tục và khó dừng lại khi người dùng thiếu khả năng tự kiểm soát (Kaye, Chen, & Zeng, 2021; Montag, Yang, & Elhai, 2021; Zhang, Wu, & Liu, 2019).

Từ góc độ giáo dục, video ngắn không chỉ được xem là sản phẩm giải trí của mạng xã hội mà còn được khai thác như một dạng học liệu số. Nghiên cứu về video trong các khóa học trực tuyến cho thấy các video có thời lượng ngắn thường duy trì mức độ xem và tương tác tốt hơn so với video dài, đặc biệt khi nội dung có cấu trúc rõ ràng và gắn với mục tiêu học tập (Guo, Kim, & Rubin, 2014). Kết quả trong lớp học cũng cho thấy việc sử dụng video ngắn có thể hỗ trợ sự tham gia và kết quả học tập trong những điều kiện sư phạm phù hợp (Zhang, Zhang, & Li, 2022). Việc chia nhỏ nội dung thành các đơn vị cô đọng còn được xem là một cách giảm bớt tải xử lý không cần thiết, giúp người học tập trung vào thông tin cốt lõi (Sweller, Ayres, & Kalyuga, 2011).

Bên cạnh các kết quả tích cực, một số nhà khoa học tập trung nghiên cứu vào những hệ quả bất lợi khi việc sử dụng video ngắn mang tính giải trí, kéo dài hoặc mất kiểm soát. Li, Geng và Wu (2024) ghi nhận mối liên hệ giữa nghiện ứng dụng

video ngắn với lo âu học tập và mức độ gắn kết học tập. Ye và cộng sự (2023) cho thấy sử dụng video ngắn có vấn đề có liên hệ với sự suy giảm gắn kết học tập và cảm nhận hiệu quả học tập thấp. Miedzobrodzka, Du và van Koningsbruggen (2024) tiếp tục phân biệt giữa mức sử dụng TikTok và thất bại trong tự kiểm soát khi sử dụng, qua đó cho thấy việc mất kiểm soát có ý nghĩa đáng chú ý đối với sức khỏe, giấc ngủ và một số kết quả học tập.

Đối với học sinh trung học cơ sở (THCS), vấn đề càng cần được xem xét riêng bởi đây là giai đoạn vị thành niên sớm, khi khả năng tự điều chỉnh, quản lý thời gian, duy trì chú ý và lập kế hoạch học tập còn đang phát triển. Trong tâm lý học giáo dục, hoạt động học tập không chỉ được phản ánh qua điểm số mà còn bao gồm cách người học tiếp nhận và xử lý thông tin, cảm xúc và các hành vi học tập cụ thể. Các mô hình về gắn kết học tập nhấn mạnh ba thành tố nhận thức, cảm xúc, hành vi có quan hệ chặt chẽ (Fredricks, Blumenfeld, & Paris, 2004). Học sinh THCS bắt đầu hình thành động cơ học tập nội tại, song động cơ này thường chưa ổn định và dễ bị chi phối bởi các yếu tố bên ngoài như điểm số, phần thưởng hoặc sự so sánh với bạn bè. Năng lực tự điều chỉnh học tập – bao gồm lập kế hoạch, theo dõi tiến trình và tự đánh giá – mới ở mức sơ khởi và cần được hỗ trợ thông qua môi trường học tập có cấu trúc và định hướng rõ ràng (Zimmerman, 2002).

Ở Việt Nam, nghiên cứu về video trong dạy học đã bước đầu được triển khai ở một số bối cảnh. Lê Minh Thư, Nguyễn Hồ Văn Giáp và Phan Thị Thanh Hội (2024) tiếp cận trực tiếp video dạng ngắn dưới 60 giây trong dạy học Sinh học 11; Lê Thị Huyền và cộng sự (2023) phân tích việc khai thác video trong dạy học Sinh học phổ thông; Hồ Thanh Vy và Lê Thanh Thảo (2023) khảo sát nhận thức của sinh viên về video và phim ngắn như học liệu; Lư Thị Mai Oanh (2025) xem xét việc sử dụng video ngắn trên TikTok và những tác động tới học tập, đời sống của sinh viên; Nguyễn Vũ Gia Nguyên và cộng sự (2024) tập trung vào tác động của nền tảng video ngắn đối với học tập của học sinh THPT tại Hà Nội. Tuy nhiên, các nghiên cứu chuyên biệt ở học sinh THCS và các phân tích cơ chế tác động vẫn còn tương đối hạn chế.

Trên cơ sở đó, bài viết tập trung tổng hợp và phân loại các công trình đã có thành những hướng nghiên cứu chủ yếu về tác động của video ngắn tới hoạt động học tập; đồng thời làm rõ những điểm giao thoa giữa các hướng, các yếu tố ảnh hưởng và khoảng trống nghiên cứu có ý nghĩa đối với học sinh THCS trong bối cảnh Việt Nam. Việc phân loại này hướng tới một bức tranh tổng quan có hệ thống hơn, tránh đồng nhất các mục lý luận, các chiều tác động hoặc các nhóm yếu tố ảnh hưởng với một 'hướng nghiên cứu' độc lập.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo hướng tổng hợp lý thuyết kết hợp với phân tích tài liệu nhằm hệ thống hóa và điểm luận các công trình liên quan đến video ngắn và hoạt động học tập. Phương pháp thực hiện: (1) Thu thập và lựa chọn tài liệu: bài viết sử dụng 26 tài liệu và công trình tiêu biểu, bao gồm nghiên cứu trong nước, nghiên cứu quốc tế và một số tài liệu lý thuyết nền tảng về học tập, tải nhận thức, gắn kết và tự điều chỉnh; (2) Phân tích và tổng hợp: áp dụng phân tích nội dung để xác định vấn đề trung tâm mà mỗi công trình tập trung giải quyết, từ đó nhóm các nghiên cứu theo chủ đề thay vì theo quốc gia hoặc chỉ theo chiều tác động tích cực - tiêu cực; (3) So sánh và đánh giá: đối chiếu các kết quả nhằm làm rõ điểm tương đồng, khác biệt, các yếu tố giải thích sự không đồng nhất trong tác động và những khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu.

2.2. Kết quả nghiên cứu

Các nghiên cứu về video ngắn có thể được chia thành ba hướng chính: xem video ngắn như học liệu và công cụ dạy học; phân tích tác động của video ngắn đến hoạt động học tập; và nghiên cứu sử dụng có vấn đề, nghiện ứng dụng và suy giảm tự kiểm soát.

Đầu tiên, hướng nghiên cứu video ngắn như một dạng học liệu số và công cụ hỗ trợ dạy - học. Hướng này tập trung vào cách thiết kế, tổ chức và tích hợp video vào quá trình dạy học, đặc biệt là độ dài, cấu trúc, cách trình bày và mức độ tương tác.

Guo, Kim và Rubin (2014) cho thấy độ dài video có liên quan đáng kể đến mức độ gắn kết của người học, trong đó video ngắn thường có lợi thế về tỷ lệ xem và duy trì tương tác. Zhang, Zhang và Li (2022) cũng chỉ ra rằng video ngắn có thể hỗ trợ sự tham gia và kết quả học tập trong lớp học đảo ngược khi được tích hợp vào cấu trúc dạy học phù hợp. Từ góc độ nhận thức, Sweller,

Ayres và Kalyuga (2011) cho rằng việc chia nội dung phức tạp thành các đơn vị nhỏ, có mục tiêu rõ và giảm yếu tố gây nhiễu có thể hỗ trợ xử lý thông tin. Tuy nhiên, video ngắn có quá nhiều hiệu ứng, âm thanh, chữ chạy hoặc chuyển cảnh không cần thiết vẫn có thể gây phân tán và tăng tải nhận thức.

Các video giải thích ngắn cũng được xem như tài nguyên bổ trợ cho khóa học. Adler, Ben-David và Schwartz (2025) phân tích tác động của video giải thích ngắn đối với kết quả kiểm tra và học tập; Adler và cộng sự (2025) đồng thời nhấn mạnh vai trò của chú ý và năng lực học tập ban đầu, cho thấy hiệu quả có thể khác nhau giữa các nhóm người học. Trong giáo dục y khoa, Alsaid và cộng sự (2025) ghi nhận giá trị bổ trợ của video ngắn trên mạng xã hội, nhưng tác động ngắn hạn rõ hơn tác động dài hạn. Vì vậy, video ngắn phù hợp hơn với vai trò học liệu hỗ trợ thay vì thay thế hoàn toàn các tài liệu có cấu trúc và chiều sâu.

Tại Việt Nam, Lê Minh Thư và cộng sự (2024) thiết kế và ứng dụng video dạng ngắn dưới 60 giây trong nội dung Sinh học 11, cho thấy khả năng tích hợp short-form video vào dạy học. Lê Thị Huyền và cộng sự (2023) nhấn mạnh tính trực quan và khả năng hỗ trợ quan sát của video trong dạy học Sinh học phổ thông. Hồ Thanh Vy và Lê Thanh Thảo (2023) cũng cho thấy sinh viên đánh giá tích cực video và phim ngắn nhờ tính linh hoạt và khả năng hỗ trợ tự học. Tuy nhiên, nghiên cứu về short-form video đúng nghĩa ở bậc phổ thông, đặc biệt THCS, vẫn còn hạn chế.

Nhìn chung, giá trị giáo dục của video ngắn không chỉ nằm ở độ ngắn mà phụ thuộc vào chất lượng thiết kế và mức độ phù hợp với mục tiêu học tập. Các yếu tố thường được quan tâm gồm độ dài, phân đoạn, tính trực quan, tương tác, khả năng xem lại và sự gắn kết với nhiệm vụ học tập.

Thứ hai, hướng nghiên cứu tác động của video ngắn tới hoạt động học tập. Hướng này xem việc sử dụng video ngắn như một phần của đời sống truyền thông số và phân tích ảnh hưởng đến nhiều thành tố học tập. Fredricks, Blumenfeld và Paris (2004) phân chia gắn kết học tập thành các phương diện hành vi, cảm xúc và nhận thức; Zimmerman (2002) và Pintrich (2004) nhấn mạnh vai trò của tự điều chỉnh trong xác lập mục tiêu, lựa chọn chiến lược, giám sát và kiểm soát quá trình học. Do đó, tác động của video ngắn cần được xem xét qua chú ý, ghi nhớ, động cơ, hứng thú, mức độ tham gia, tự học, quản lý thời gian và kết quả học tập.

Về nhận thức, nội dung trực quan, cô đọng và khả năng xem lại có thể hỗ trợ minh họa khái niệm, quy trình hoặc thao tác cụ thể (Guo và cộng sự, 2014; Sweller và cộng sự, 2011). Tuy nhiên, việc liên tục chuyển giữa các video có thể tạo ra quá trình tiếp nhận thông tin rời rạc. Bransford, Brown và Cocking (2000) nhấn mạnh rằng học sâu đòi hỏi người học tổ chức kiến thức thành hệ thống và liên kết thông tin mới với hiểu biết sẵn có; vì vậy, tiêu thụ nhiều nội dung ngắn không có cấu trúc không đồng nghĩa với học tập có ý nghĩa.

Về cảm xúc, video ngắn trực quan và dễ tiếp cận có thể tạo hứng thú ban đầu, đồng thời hỗ trợ niềm tin vào khả năng thực hiện nhiệm vụ. Theo Bandura (1997), trải nghiệm thành công có thể nâng cao hiệu quả bản thân. Ngược lại, nội dung giải trí với phần thưởng tức thời có thể cạnh tranh với các nhiệm vụ học tập đòi hỏi nỗ lực kéo dài, làm giảm chú ý và sự kiên trì.

Về hành vi, video ngắn có thể hỗ trợ tự học ngoài giờ, ôn tập nhanh và chuẩn bị trước khi lên lớp; nhưng việc xem xen kẽ trong thời gian học hoặc làm bài có thể gây bất lợi. Marciano, Ostroumova, Schulz và Camerini (2021) cho rằng cần phân biệt mục đích và bối cảnh sử dụng, vì không phải mọi thời gian sử dụng thiết bị số đều có tác động giống nhau đối với sức khỏe tâm lý và học tập.

Các nghiên cứu trong nước cũng cho thấy tính hai mặt này. Lư Thị Mai Oanh (2025) ghi nhận TikTok có thể hỗ trợ tiếp cận thông tin và học tập linh hoạt, nhưng đồng thời gây xao nhãng, giảm tập trung và làm tăng nguy cơ sử dụng kéo dài. Nguyễn Vũ Gia Nguyên và cộng sự (2024) nghiên cứu tác động của nền tảng video ngắn đối với học sinh THPT tại Hà Nội, cho thấy vấn đề đã được quan tâm ở bậc phổ thông nhưng chưa được mở rộng có hệ thống tới nhóm THCS.

Như vậy, hướng nghiên cứu thứ hai nhấn mạnh tác động đa chiều của video ngắn đối với nhận thức, cảm xúc, hành vi và kết quả học tập. Tác động tích cực hay tiêu cực phụ thuộc vào mục đích, nội dung, thời lượng và bối cảnh sử dụng, thay vì hình thành hai hướng nghiên cứu hoàn toàn tách biệt.

Thứ ba, hướng nghiên cứu ảnh hưởng của việc sử dụng video ngắn quá mức tới học tập. Nhánh nghiên cứu này ngày càng rõ nét, chuyển trọng tâm từ thời lượng sử dụng sang mức độ mất kiểm soát và các cơ chế dẫn đến hệ quả học tập bất lợi.

Li, Geng và Wu (2024) cho thấy nghiện ứng dụng video ngắn có liên quan đến lo âu học tập và mức gắn kết học tập thấp hơn. Ye và cộng sự (2023) tiếp tục phân tích mối quan hệ giữa sử dụng video ngắn có vấn đề, gắn kết và cảm nhận học tập không hiệu quả. Các nghiên cứu này không chỉ xác định tương quan mà còn hướng tới giải thích cơ chế tác động.

Đáng chú ý, mức độ sử dụng cần được phân biệt với thất bại trong tự kiểm soát. Miedzobrodzka, Du và van Koningsbruggen (2024) cho thấy sử dụng TikTok nói chung và không kiểm soát được hành vi sử dụng là hai hiện tượng khác nhau; trong đó thất bại tự kiểm soát liên hệ rõ hơn với trì hoãn giờ ngủ, chất lượng giấc ngủ, sức khỏe và một số chỉ báo học tập. Vì vậy, ngoài thời lượng sử dụng, nghiên cứu cần xem xét khả năng dừng xem, mức độ bị cuốn vào nội dung và khả năng ưu tiên nhiệm vụ học tập.

Đối với học sinh trung học, Ye và cộng sự (2025) phát triển thang đo nghiện video ngắn chuyên biệt, cho thấy sử dụng có vấn đề đã trở thành một đối tượng nghiên cứu độc lập thay vì chỉ được xem như một phần của nghiện Internet hoặc mạng xã hội. Công cụ này cũng tạo cơ sở phân biệt giữa sử dụng thường xuyên và sử dụng có dấu hiệu lệ thuộc.

Các nghiên cứu đồng thời chú ý đến cơ chế của nền tảng. Kaye, Chen và Zeng (2021) mô tả sự phát triển của nền tảng video ngắn với mức cá nhân hóa nội dung cao; Montag, Yang và Elhai (2021) và Zhang, Wu và Liu (2019) phân tích các yếu tố tâm lý và xã hội - kỹ thuật liên quan đến sử dụng TikTok và nghiện ứng dụng video ngắn. Dòng đề xuất liên tục, khả năng tiếp cận dễ dàng và phần thưởng tức thời có thể kéo dài thời gian xem, đặc biệt ở người có khả năng tự kiểm soát hạn chế.

Từ góc độ học tập, sử dụng video ngắn quá mức có thể chiếm dụng thời gian học, làm gián đoạn chú ý, tăng chuyển đổi giữa học tập và giải trí, suy giảm gắn kết hoặc đi kèm lo âu và cảm nhận học tập không hiệu quả. Vì vậy, hướng nghiên cứu thứ ba tập trung vào sử dụng có vấn đề và cơ chế giải thích, khác với hướng thứ hai vốn xem xét rộng hơn các tác động của video ngắn tới hoạt động học tập.

Nhìn chung, ba hướng nghiên cứu có quan hệ chặt chẽ và cho thấy tác động của video ngắn không đồng nhất. Sự khác biệt giữa các kết quả có thể được lý giải bởi một số nhóm yếu tố xuyên suốt.

Thứ nhất là đặc điểm người học. Khả năng tự điều chỉnh, định hướng mục tiêu, hiệu quả bản thân và mức độ gắn kết ảnh hưởng đến cách sử dụng video. Zimmerman (2002) và Pintrich (2004) nhấn mạnh vai trò của lập kế hoạch, giám sát và kiểm soát hành vi trong học tập tự điều chỉnh; Bandura (1997) đề cao niềm tin vào năng lực bản thân. Các yếu tố này đặc biệt quan trọng với học sinh THCS khi khả năng kiểm soát chú ý và hành vi chưa hoàn thiện.

Thứ hai là mục đích và nội dung sử dụng. Video phục vụ giải thích kiến thức, chuẩn bị bài hoặc ôn tập có thể đem lại kết quả khác với video giải trí trong dòng đề xuất. Vì vậy, nghiên cứu về học liệu có cấu trúc thường ghi nhận lợi ích rõ hơn (Guo và cộng sự, 2014; Zhang và cộng sự, 2022), trong khi nghiên cứu về sử dụng có vấn đề nhấn mạnh lo âu, suy giảm gắn kết và mất tự kiểm soát (Li và cộng sự, 2024; Ye và cộng sự, 2023).

Thứ ba là bối cảnh xã hội và sự định hướng của người lớn. Trải nghiệm số của thanh thiếu niên có liên quan đến môi trường gia đình và sự hình thành hành vi trực tuyến theo thời gian (Charmaraman & McIsaac, 2022). Trong giáo dục, hướng dẫn của giáo viên và cách tích hợp video vào nhiệm vụ học tập có thể giúp chuyển một định dạng dễ gây xao nhãng thành học liệu có mục đích. Do đó, nghiên cứu ở học sinh THCS cần xem xét đồng thời hành vi cá nhân và bối cảnh gia đình - nhà trường.

Từ tổng quan có thể xác định bốn khoảng trống nghiên cứu. Thứ nhất, phần lớn bằng chứng về video ngắn như học liệu tập trung ở sinh viên đại học hoặc môi trường trực tuyến, trong khi nghiên cứu trực tiếp ở học sinh THCS còn ít. Thứ hai, nhiều nghiên cứu về thanh thiếu niên đặt video ngắn trong phạm vi truyền thông số nói chung nên ảnh hưởng riêng của short-form video chưa được tách biệt đầy đủ. Thứ ba, tại Việt Nam, nghiên cứu chuyên biệt về video ngắn còn hạn chế và chủ yếu tập trung ở một số môn học, sinh viên hoặc học

sinh THPT. Thứ tư, các cơ chế trung gian và điều tiết như tự điều chỉnh, mục đích sử dụng, lo âu học tập, gắn kết và sự giám sát của người lớn vẫn cần được kiểm định rõ hơn.

Những khoảng trống này cho thấy nghiên cứu tiếp theo cần chuyển từ mô tả hiện tượng sang giải thích cơ chế. Đối với học sinh THCS, cần phân biệt mục đích học tập và giải trí, thời lượng và tần suất sử dụng, mức độ tự kiểm soát, nền tảng, loại nội dung thường xem và các thành tố cụ thể của hoạt động học tập nhằm tạo cơ sở rõ hơn cho định hướng giáo dục và can thiệp thực tiễn.

III. KẾT LUẬN

Tổng quan các công trình trong và ngoài nước cho thấy nghiên cứu về tác động của video ngắn tới hoạt động học tập chủ yếu phát triển theo ba hướng. Hướng thứ nhất xem video ngắn như học liệu số, tập trung vào độ dài, cấu trúc, thiết kế, mức độ tương tác và cách tích hợp vào dạy - học. Hướng thứ hai phân tích ảnh hưởng của video ngắn đến nhận thức, cảm xúc, hành vi, gắn kết và kết quả học tập. Hướng thứ ba tập trung vào sử dụng quá mức, đặc biệt là mất tự kiểm soát, lo âu học tập, suy giảm gắn kết và cảm nhận học tập không hiệu quả.

Các kết quả cho thấy tác động của video ngắn không mang tính một chiều. Khi được thiết kế phù hợp với mục tiêu sư phạm, có nội dung cô đọng, cấu trúc rõ và được sử dụng có chủ đích, video ngắn có thể hỗ trợ tiếp nhận thông tin, tạo hứng thú và tăng tính linh hoạt trong học tập. Ngược lại, việc sử dụng thiên về giải trí, kéo dài hoặc mất kiểm soát có thể chiếm dụng thời gian học, làm gián đoạn chú ý và ảnh hưởng bất lợi đến gắn kết, hiệu quả học tập.

Sự khác biệt về tác động chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như đặc điểm người học, năng lực tự điều chỉnh, hiệu quả bản thân, mục đích và nội dung sử dụng, bối cảnh gia đình - nhà trường và cơ chế thuật toán của nền tảng. Vì vậy, các yếu tố này nên được xem là những điều kiện và cơ chế tác động xuyên suốt ba hướng nghiên cứu.

Tại Việt Nam, đặc biệt đối với học sinh THCS, nghiên cứu còn hạn chế cả về số lượng và chiều sâu. Các nghiên cứu tiếp theo cần phân biệt rõ mục đích học tập và giải trí, đo lường mức độ tự kiểm soát, đồng thời kiểm định các cơ chế trung gian và điều tiết đối với từng thành tố của hoạt động học tập. Qua đó, nghiên cứu có thể vừa bổ sung cơ sở lý luận, vừa cung cấp căn cứ thực tiễn để gia đình và nhà trường định hướng học sinh khai thác lợi ích và hạn chế tác động bất lợi của video ngắn trong môi trường số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Hồ Thanh Vy & Lê Thanh Thảo. (2023). University students' perceptions of using short videos and films as learning materials. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 20(3), 45–56.

Lê Minh Thư, Nguyễn Hồ Văn Giáp, & Phan Thị Thanh Hội. (2024). Thiết kế và ứng dụng video dạng ngắn (<60 giây) cho nội dung "Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng" trong dạy học Sinh học 11. Kỷ yếu Hội thảo VAP. Hội Vật lý Việt Nam. https://vap.ac.vn/proceedingvap/proceeding/article/view/1449

Lư Thị Mai Oanh. (2025). Việc sử dụng video dạng ngắn trên TikTok của sinh viên và những tác động đến học tập và đời sống. VNU Journal of Science: Education Research, 41(1). https://js.vnu.edu.vn/ER/article/view/4977

Nguyễn Vũ Gia Nguyên, Lê Đức Minh, Phan Hồng Hạnh, Nguyễn Thị Thủy, & Vũ Phương Liên. (2024). Tác động của nền tảng video ngắn đối với học tập của học sinh THPT tại Hà Nội. Tạp chí Giáo dục.

Li, G., Geng, Y., & Wu, T. (2024). Effects of short-form video app addiction on academic anxiety and academic engagement. Frontiers in Psychology, 15, 1428813. https://doi.org/10.3389/fpsyg.2024.1428813